

# VỀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở NƯỚC TA

NGUYỄN MINH HOÀN\*

Phấn đấu xây dựng một *Nền giáo dục theo hướng công bằng* đảm bảo phát triển quy mô và chất lượng chính là nhằm *tạo nhiều cơ hội khác nhau phù hợp* cho mọi người dân đều được học tập, phát huy năng lực, sở trường của mình, góp phần phát triển nguồn lực con người phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nói riêng và mục tiêu phát triển ngày càng toàn diện con người nói chung. Luật giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua tháng 12.1998. Tại điều 9 của luật có ghi: "*Điều 9: Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân*

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, bảo đảm điều kiện để những người học giỏi phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật và đối tượng hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Để xây dựng thành công một nền giáo dục ở nước ta vừa đảm bảo công bằng, vừa phát triển được quy mô, chất lượng, và thực hiện được ba mục tiêu cơ bản của nền giáo dục là: đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng

---

\* TS. Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nhân tài, không chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục - đào tạo, mà còn là nhiệm vụ chung của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa IX đã nhấn mạnh: "Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, Nhà nước có chính sách điều tiết, tạo cơ hội học tập ngày càng tốt hơn ở mọi cấp học và trình độ đào tạo cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cơ hội học tập ở đại học, cao đẳng cho con em nông dân, các gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng còn nhiều khó khăn. Giảm sự cách biệt về cơ hội học tập giữa các tầng lớp dân cư, về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục giữa các vùng, miền.<sup>(1)</sup>"

Như vậy, hiện nay chúng ta phải có sự lựa chọn một mô hình giáo dục như thế nào để vừa đảm bảo công bằng xã hội, phù hợp với mục tiêu xây dựng một quy mô giáo dục, vừa thỏa mãn được nhu cầu học tập của mọi người dân không phân biệt địa vị kinh tế - xã hội, vừa phải đảm bảo được chất lượng giáo dục toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề công bằng xã hội trong giáo dục thường được nghiên cứu ở hai góc độ: *thứ nhất* là xây dựng mô hình giáo dục với quy mô và chất lượng đảm bảo công bằng xã hội; *thứ hai*, nguồn thu chi tài chính trong ngành giáo dục đảm bảo công bằng xã hội.

*Về vấn đề mô hình giáo dục:* trong điều kiện kinh tế thị trường, do có sự hình thành thị trường giáo dục, nên có nhiều ý kiến cho rằng, song song với hệ thống giáo dục công lập, phải từng bước hoàn thiện thị trường giáo dục như một tất yếu, vì nó phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hiện *xã hội hoá giáo dục*, để thu hút được nhiều nguồn lực đầu tư cho giáo dục nhằm tạo được nhiều cơ hội học tập cho nhân dân. Nhưng mô hình giáo dục ngoài công lập ấy có đảm bảo được chất lượng đào tạo không, nhất là đối với những hình thức trường và những hình thức đào tạo từ xa chỉ thực hiện đầu vào xét theo nguyện vọng được học tập của học sinh? Đặc biệt, nếu thực hiện hình thức học mất tiền thì những người nghèo có cơ hội được đi học không? Đó là những bài toán đang được đặt ra cho vấn đề thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

Bước vào thời kỳ đổi mới, sự phát triển của nền kinh tế đã kéo theo sự thay đổi về cơ cấu việc làm. Cơ cấu việc làm ấy đòi hỏi phải có một thị trường lao động cung cấp được một đội ngũ những người lao động có chất lượng ngày càng cao, tay nghề ngày càng giỏi. Điều này đã kéo theo sự gia tăng nhu cầu được học để có việc làm. Hơn nữa, trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, giáo dục và đào tạo cũng được xác định là một ngành cung ứng nguồn nhân lực cho thị trường lao động ngày càng phát triển. Điều đó đã khiến cho nhu cầu đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, làm hình thành hàng loạt hệ thống trường ngoài công lập ở mọi cấp học ngày càng tăng.

Hệ thống các trường ngoài công lập đã có tác dụng đáng kể trong việc góp phần vào chiến lược phát triển giáo dục cùng với hệ thống giáo dục công lập, thực hiện xã hội hóa giáo dục theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhằm tạo

ra nhiều cơ hội học tập cho xã hội, cung ứng lao động cho phát triển nền kinh tế. Tuy nhiên, đặc điểm của hệ thống trường ngoài công lập là chỉ tập trung đầu tư đào tạo cho một số chuyên ngành đang có nhu cầu lớn của thị trường lao động như quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, du lịch... mà ít chú ý đến đầu tư đào tạo các ngành khoa học cơ bản và ngành mang tính dịch vụ xã hội cao. Mặt khác, hệ thống giáo dục và đào tạo chỉ tập trung đầu tư ở những thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung, các vùng kinh tế phát triển, mà rất ít đầu tư vào các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là những nơi chỉ số phát triển thấp.

Như vậy việc phát triển hàng loạt các trường ngoài công lập, thậm chí cả những trường 100% vốn nước ngoài với học phí cao sẽ có nguy cơ làm tăng tình trạng bất bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục. Do đó, đứng trước mục tiêu vừa đảm bảo sự phát triển của nền giáo dục mà Đảng đã nêu ra, đảm bảo sự bình đẳng và công bằng - trong việc tạo được nhiều cơ hội học tập cho xã hội, thì mô hình của nền giáo dục vẫn phải lấy mô hình giáo dục công lập làm chủ đạo. Đặc biệt, chỉ với vai trò chủ đạo của mình, nền giáo dục công lập mới định hướng được sự phát triển mang tính chiến lược của toàn ngành giáo dục về cơ cấu ngành nghề đào tạo theo hướng hiện đại hóa, cũng như xây dựng được đội ngũ cán bộ của toàn ngành để thực hiện mục tiêu phát triển chất lượng *giáo dục toàn diện con người*. Như vậy, xét theo toàn hệ thống giáo dục, giáo dục công lập mới đảm bảo được bình đẳng và công bằng theo mọi nhu cầu và nguyện vọng học tập phù hợp với khả năng của mỗi người dân.

Quả thực, với điều kiện nền kinh tế nước ta còn kém phát triển, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với rất nhiều nước, nhưng lại có tới 22 triệu người đi học so với số dân là 80 triệu người, tính bình quân cứ bốn người dân có hơn 1 người đi học. Đến nay, ngành giáo dục đã thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Việc thực hiện được nhiệm vụ to lớn đó đã chứng tỏ mục tiêu công bằng và bình đẳng trong sự nghiệp giáo dục toàn dân về cơ bản đã được đảm bảo.

Tuy nhiên, theo một số ý kiến, nếu công bằng xã hội là tạo được nhiều cơ hội học tập cho mọi tầng lớp dân cư, thì hiện nay ở bậc đại học nếu việc thực hiện quy mô giáo dục theo quy chế tuyển sinh "chặt đầu vào" để đảm bảo chất lượng và tỏ ra lo ngại khi "lạm phát đại học" là một sai lầm. Các ý kiến này cho biết hiện nay, ở nhiều nước có nền giáo dục tiên tiến, người muốn được vào đại học chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là tốt nghiệp trung học phổ thông. Còn ở ta, việc tuyển sinh theo hướng "kiểm soát chặt đầu vào" cũng có nghĩa là "chúng ta đã bỏ rơi việc học sinh thích đi học" của rất nhiều học sinh<sup>(2)</sup>. Đứng trước nhu cầu về cơ hội học tập hiện nay (đặc biệt là ở bậc đại học) đang ngày càng tăng, trong hội thảo của Bộ Giáo dục - Đào tạo ngày 30-31/3/2004, nhiều ý kiến đã đi đến thống nhất rằng, việc tiếp tục tăng số lượng sinh viên, đồng thời đảm bảo và nâng cao chất lượng trong điều kiện nguồn lực hạn hẹp là bài toán khó. Nhưng thời gian tới, các trường đại học mở, và đào tạo từ xa có thể mạnh dạn

tăng số lượng đầu vào nhưng phải đánh giá *chặt chẽ đầu ra* của từng mô hình học tập để sàng lọc.

Thực ra, *nhu cầu học tập* và *khả năng học được* của nhiều đối tượng rất khác nhau. Có người học để có việc làm tốt, thu nhập cao; có người học chỉ để hiểu biết, để giao tiếp với cộng đồng... Rồi điều kiện về kinh tế, về học lực của mỗi đối tượng cũng rất khác nhau: có đối tượng học lực tốt nhưng nghèo (do điều kiện kinh tế gia đình hay sống ở nông thôn, vùng sâu vùng xa...) và ngược lại, có đối tượng vừa học giỏi lại vừa có điều kiện kinh tế... Như vậy, việc phát triển mô hình giáo dục ngoài công lập hoặc đan xen công lập và ngoài công lập bên cạnh giáo dục công lập giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo định hướng về quy mô và chất lượng (với yêu cầu chặt đầu vào), cùng với thực hiện đan xen phát triển hệ thống trường dân lập, tư thục (với yêu cầu chặt đầu ra) là công bằng vì mô hình giáo dục ấy sẽ tạo được nhiều cơ hội học tập phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và khả năng học tập của nhiều đối tượng khác nhau.

Tuy nhiên, bên cạnh việc nhấn mạnh đến mô hình phát triển giáo dục có quy mô và chất lượng đảm bảo công bằng xã hội, thì vấn đề *thu chi ngân sách cho giáo dục* cũng là một vấn đề lớn trong việc đảm bảo công bằng trong lĩnh vực giáo dục.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, thực hiện đầu tư ngân sách giáo dục heo nhiều hình thức: Ngân sách nhà nước (thu từ thuế); học phí; viện trợ vốn vay. Từ năm 1996 đến năm 2003, theo số liệu của Bộ Giáo dục - Đào tạo, kinh phí đầu tư cho giáo dục đã tăng khoảng bốn lần, từ 8.100 tỷ đồng lên đến 30.000 tỷ đồng (tương đương 2 tỷ USD/năm); 1 tỷ USD vay nước ngoài và 3.000 tỷ đồng công trái giáo dục<sup>(3)</sup>.

Tuy nhiên, với tinh thần thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục mà Hội nghị Trung ương 6 khoá IX nêu rõ về việc ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, thì việc thực hiện phân bổ nguồn *ngân sách nhà nước* heo nghĩa là chia đều theo đầu học sinh ở mọi vùng là như nhau thì có phải là công bằng không? Thực ra, việc chia đều này không phải là công bằng mà là sự bình quân, “cào bằng”. Bởi vì, ở vùng sâu, vùng xa học sinh phải chịu nhiều thiếu thốn về cơ sở vật chất dành cho giáo dục, mà ở những vùng này người dân không chỉ nghèo về kinh tế mà điều kiện đi lại học tập lại rất khó khăn. Vì thế, nếu không có sự đầu tư ngân sách thoả đáng cho hệ thống trường nội trú cũng như chế độ học bổng, học phí, cung cấp sách giáo khoa... thì rất dễ dẫn đến tình trạng tái mù chữ do nhiều học sinh bỏ học vì không có điều kiện đến trường. Từ đó, sẽ không thực hiện được mục tiêu phổ cập giáo dục ở bậc phổ thông của nền giáo dục toàn dân và toàn diện.

Vấn đề học phí cũng cần được xem xét để đảm bảo công bằng và bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục ở nước ta hiện nay. Thực ra, không phải chỉ có nước ta mà hầu như chưa một quốc gia nào hiện nay có khả năng cung cấp cho toàn dân một nền giáo dục hoàn toàn miễn phí ở mọi bậc học từ phổ thông tới đại học,

mà đều phải có chính sách tạo ngân sách cho giáo dục bằng nhiều hình thức xã hội hoá, trong đó có việc thu học phí.

Nhưng ở nước ta, hiện nay vấn đề thu học phí đang có nhiều ý kiến tranh luận. Có ý kiến cho rằng phải tăng học phí đồng đều với mỗi học sinh (tùy theo bậc học khác nhau) mới đảm bảo được công bằng xã hội trong giáo dục, vì mỗi học sinh đều được hưởng sự giáo dục như nhau. Nhưng có ý kiến lại cho rằng, nếu tăng học phí là không công bằng, nhất là đối tượng học sinh nghèo không có tiền nên dễ dẫn tới việc bỏ học của học sinh. Ngược lại, việc thu học phí ngang nhau với mọi đối tượng học sinh (cả giàu và nghèo) *chỉ có lợi cho học sinh có điều kiện về kinh tế*, thậm chí cho người có tiền và trên thực tế cách làm đó là tạo điều kiện để duy trì việc được hưởng sự bao cấp của giáo dục. Bởi vì, số học phí thực ra vẫn không phải đã được tính đúng theo chi phí mà Nhà nước đã bỏ ra đầu tư cho giáo dục hiện nay.

Vì vậy, việc thu học phí đảm bảo công bằng phải được thực hiện theo mức *tăng dần* đúng với mức Nhà nước đã chi phí cho đào tạo, nhưng đồng thời phải được thực hiện song song với chính sách học bổng thoả đáng cho mọi sinh viên cũng như thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, vay ngân hàng... dựa theo kết quả học tập. Thực hiện cách tính này không chỉ đảm bảo được sự công bằng trong việc thu ngân sách cho giáo dục, mà quan trọng hơn, sẽ khuyến khích học sinh nỗ lực để bảo vệ cơ hội học tập và nâng cao chất lượng học tập của mình.

Chính sách thu học phí (đặc biệt ở bậc đại học) tăng theo mức chi phí đầu tư được áp dụng ở hệ thống công lập còn có tác dụng tạo ra sự cạnh tranh nâng cao chất lượng để thu hút học sinh. Bởi vì, với một khung mức học phí như nhau được áp dụng, thì trường nào có chất lượng tốt hơn sẽ thu hút được nhiều học sinh hơn (không kể công lập hay dân lập). Hơn nữa, nếu không còn phải cân nhắc mức đóng góp ở nhiều trường khác nhau, thì học sinh sẽ có nhiều cơ hội để lựa chọn trường phù hợp với nhu cầu sở nguyện của mình.

Một khía cạnh khác của việc thu chi ngân sách đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục là ở chỗ, nếu mức thu học phí (đặc biệt ở bậc đại học) tính theo mức cho nhiều trường khác nhau, với chi phí đầu tư và đào tạo cho một sinh viên lại khác nhau (tùy theo từng ngành học), thì việc thực hiện một mức học phí thực ra là không công bằng. Ngoài ra, mức thu học phí như nhau cho mọi sinh viên ở nhiều ngành nghề khác nhau tính theo hiệu quả tìm được việc làm sau khi ra trường của sinh viên cũng là không công bằng, bởi vì, có những ngành đào tạo ít tốn kém nhưng khi ra trường sinh viên lại kiếm được việc làm có thu nhập cao, trong khi có những ngành khoa học công nghệ phải đầu tư đào tạo rất tốn kém, sinh viên phải chi phí sức lực cho việc học nhiều hơn, nhưng khi ra trường lại khó kiếm được việc làm, thậm chí còn thất nghiệp.

Vì vậy, nếu thực hiện việc thu ngân sách cho ngành giáo dục đảm bảo công bằng xã hội theo chủ trương xã hội hoá mà Đảng đã nêu ra, thì ngân sách đảm bảo cho giáo dục còn phải được thu bằng thuế từ chính những doanh nghiệp,

những cơ sở sản xuất kinh doanh hay nói chung mọi cơ sở sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo này. Như vậy, ngoài việc thu học phí, nếu không cùng lúc thực hiện nguồn thu ngân sách cho giáo dục từ những đối tượng sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo thì có nghĩa là Nhà nước phải gánh chịu việc đào tạo “không công” nguồn nhân lực lao động cho mọi thành phần kinh tế, kể cả thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang làm ăn tại Việt Nam, Nhà nước *sẽ mất nguồn thu tái đầu tư* cho phát triển giáo dục để *tạo cơ hội học tập* cho nhiều người cũng như để tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho sự phát triển.

Tóm lại, thực hiện công bằng trong giáo dục là một phần của nội dung thực hiện công bằng xã hội ở nước ta trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước ta hiện nay là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Việc thực hiện mục tiêu đó là để đáp ứng các yêu cầu về phát triển lực lượng sản xuất xã hội (bồi dưỡng tài nguyên con người), đảm bảo phúc lợi xã hội (vai trò của Nhà nước tạo cơ hội bình đẳng học tập cho mỗi người dân) và thực hiện dịch vụ xã hội (thực hiện xã hội hoá giáo dục), thu hút mọi nguồn lực vật chất và trí tuệ phát triển nền giáo dục). Do đó, thực hiện công bằng xã hội trong đó giáo dục cũng chính là sự tác động trực tiếp nhằm đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu giáo dục nói riêng và phát triển kinh tế – xã hội nói chung.

Như vậy, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục chính là tạo được được nhiều *cơ hội học tập phù hợp với mọi nhu cầu, nguyện vọng riêng cũng như khả năng của mỗi người dân trong xã hội, để ai cũng có điều kiện* phát triển nghề nghiệp, tài năng, hiểu biết... đáp ứng cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mục tiêu phát triển giáo dục trên cơ sở công bằng xã hội ấy phù hợp với tinh thần mà Đại hội X nhấn mạnh, đó là: “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế – xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc”<sup>(4)</sup>(\*\*).

---

#### Chú thích

\*\* Bài đã đăng trên Tạp chí *Lý luận chính trị và Truyền thông*, số 7/2007.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 50.
2. Xem: Lê Hạnh, *Tranh cãi quanh dự thảo Luật giáo dục*, Báo Lao động, số 103 (12.4.2004).
3. Xem: Hạnh Phương, *Không cần tăng, mà có thể giảm*, Báo Lao động, số 161 (9.6.2004), tr.5.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 101.